

Số: 22 /NQ-HĐND

Hải An, ngày 15 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh dự toán thu - chi ngân sách phường năm 2025

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG KHÓA I

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 thành phố Hải Phòng sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của Hội đồng nhân dân phường về Quyết định dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 sau sắp xếp;

Căn cứ các nhiệm vụ đã phân bổ tại dự toán ngân sách năm 2025; tình hình thực hiện các nhiệm vụ chính trị trên địa bàn phường,

Xét Tờ trình số 69/TTr-UBND ngày 14/11/2025 của Ủy ban nhân dân phường về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 03/BC-KTNS ngày 14/11/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân phường; ý kiến tham gia của các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán ngân sách phường năm 2025 với các nội dung sau đây:

1. Điều chỉnh các sự nghiệp chi thường xuyên năm 2025

- | | |
|------------------------------------|--------------------------------|
| - Điều chỉnh tăng | : 1.150 triệu đồng, trong đó : |
| + Sự nghiệp văn hoá | : 150 triệu đồng |
| + Sự nghiệp phát thanh truyền hình | : 100 triệu đồng |
| + Chi quản lý hành chính | : 900 triệu đồng |
| - Điều chỉnh giảm | : 1.150 triệu đồng, trong đó : |

- + Chi bảo vệ môi trường : 500 triệu đồng
- + Chi khác : 650 triệu đồng

2. Điều chỉnh dự toán các công trình vốn sự nghiệp

2.1. Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo

- Điều chỉnh giảm dự toán chi cải tạo, sửa chữa một số công trình vốn sự nghiệp thuộc ngân sách phường: 606,66 triệu đồng.

+ Sửa chữa nhà lớp học, sân và các hạng mục phụ trợ trường Mầm non Đăng Hải (khu A): 29,949 triệu đồng.

+ Sửa chữa nhà lớp học, cổng, tường bao và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Đăng Lâm: 3,330 triệu đồng.

+ Sửa chữa nhà lớp học, nhà chức năng, nhà xe và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Đăng Hải (khu B): 9,209 triệu đồng.

+ Sửa chữa nhà lớp học 2 tầng và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Trảng Cát: 9,623 triệu đồng.

+ Sửa chữa nhà lớp học 2 tầng, 3 tầng và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Cát Bi: 239,195 triệu đồng.

+ Khắc phục thiệt hại do cơn bão số 3 tại trường mầm non Trảng Cát: 1,355 triệu đồng.

+ Khắc phục thiệt hại do cơn bão số 3 tại trường THCS Đăng Lâm: 0,022 triệu đồng.

+ Sửa chữa hội trường Trung tâm chính trị quận Hải An (cũ): 13,994 triệu đồng.

+ Sửa chữa hội trường, phòng làm việc và các hạng mục phụ trợ Trung tâm Chính trị quận Hải An (cũ): 299,983 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng chi cải tạo, sửa chữa một số công trình, số tiền: 606,66 triệu đồng.

+ Sửa chữa nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ trường mầm non Thành Tô: 606,66 triệu đồng.

2.2. Chi sự nghiệp văn hoá

- Điều chỉnh giảm dự toán chi cải tạo, sửa chữa một số công trình vốn sự nghiệp thuộc ngân sách phường: 237,795 triệu đồng.

+ Sửa chữa Nhà văn hóa TDP số 13 phường Đăng Hải (cũ): 2,944 triệu đồng.

+ Sửa chữa Nhà văn hóa Trung Hành 6 phường Đăng Lâm (cũ): 0,50 triệu đồng.

+ Sửa chữa nhà văn hóa TDP số 6 phường Cát Bi (cũ): 109,216 triệu đồng.

- + Sửa chữa Nhà văn hoá phường Trảng Cát (cũ): 18,733 triệu đồng.
- + Sửa chữa Nhà văn hoá TDP số 7 phường Trảng Cát(cũ): 43,757 triệu đồng.
- + Sửa chữa Nhà văn hoá TDP số 1, phường Trảng Cát(cũ): 30,077 triệu đồng.
- + Sửa chữa Nhà văn hoá TDP số 2, phường Trảng Cát(cũ): 33,018 triệu đồng.
- Điều chỉnh tăng chi sửa chữa nhà văn hoá Lục Hành, phường Đăng Lâm(cũ): 237,795 triệu đồng.

2.3. Chi sự nghiệp kinh tế

- Điều chỉnh giảm dự toán chi cải tạo, sửa chữa một số công trình vốn sự nghiệp thuộc ngân sách phường: 989,833 triệu đồng.

+ Duy tu, sửa chữa ngõ 192, đường Hàng Tổng, phường Đăng Hải(cũ): 23,719 triệu đồng.

+ Duy tu, sửa chữa hệ thống thoát nước, nền mặt ngõ 109 đường Đăng Hải(cũ): 3,202 triệu đồng.

+ Duy tu, sửa chữa ngõ 66 đường Trung Hành, phường Đăng Lâm(cũ): 35,190 triệu đồng.

+ Duy tu, sửa chữa ngõ 72 đường Nguyễn Văn Hới, phường Cát Bi(cũ): 859,698 triệu đồng

+ Duy tu, sửa chữa ngách 1 ngõ 580 Ngô Gia Tự, phường Thành Tô(cũ): 68,024 triệu đồng

- Điều chỉnh tăng chi cải tạo, sửa chữa một số công trình, số tiền: 989,833 triệu đồng.

+ Duy tu sửa chữa ngõ 373 Ngô Gia Tự, phường Đăng Lâm(cũ): 262,260 triệu đồng.

+ Duy tu, sửa chữa ngõ 175 Đăng Hải, phường Đăng Hải(cũ): 727,573 đồng.

3. Điều chỉnh dự toán chi quản lý hành chính (hoạt động phí hàng tháng cho đại biểu Hội đồng nhân dân)

- Điều chỉnh giảm : 126.360.000 đồng

Trong đó:

+ Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô Thị : 16.848.000 đồng

+ Phòng Văn hoá – Xã hội : 21.060.000 đồng

+ Trung tâm phục vụ hành chính công : 25.272.000 đồng

+ Trung tâm sự nghiệp công : 8.424.000 đồng



+ Văn phòng Đảng uỷ	: 54.756.000 đồng.
- Điều chỉnh tăng	: 126.360.000 đồng
+ Văn phòng HĐND-UBND phường	: 126.360.000 đồng

(Có biểu chi tiết kèm theo)

* Số liệu dự toán thu- chi ngân sách năm 2025 không thay đổi về tổng thể so với dự toán đã được Hội đồng nhân dân phường phê duyệt Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 30/7/2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Giao Ủy ban nhân dân phường triển khai thực hiện đúng các nội dung đã được điều chỉnh tại Điều 1 theo quy định của pháp luật.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân phường kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện quyết định này.

Nghị quyết này đã được Thường trực HĐND phường khoá I, nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua ngày 15/11/2025 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TT ĐU;
- Như Điều 2;
- Ủy ban MTTQ VN phường;
- VP HĐND & UBND phường;
- Lưu: VT.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Thu



DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán chi ngân sách năm 2025 sau khi trừ 10% tiết kiệm giao tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của HĐND phường	Dự toán chi ngân sách sau khi trừ 10% tiết kiệm được điều chỉnh tại Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của HĐND thành phố	Chênh lệch		Ghi chú
				Tăng	Giảm	
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (A+B)	377.785	377.785	1.150	(1.150)	
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+II+III)	377.785	377.785	1.150	(1.150)	
I	Chi đầu tư phát triển					
II	Chi thường xuyên	370.377	370.377	1.150	(1.150)	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	214.540	214.540		-	
2	Chi quốc phòng, an ninh và TTATXH	14.368	14.368			
3	Chi khoa học và công nghệ	-			-	
4	Chi y tế, dân số và gia đình	17.393	17.393			
5	Chi văn hóa thông tin	3.494	3.644	150		
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	442	542	100		
7	Chi thể dục thể thao	800	800			
8	Chi bảo vệ môi trường	1.125	625		(500)	
9	Chi các hoạt động kinh tế	14.902	14.902			
10	Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	68.744	69.644	900		
11	Chi bảo đảm xã hội	32.861	32.861			
12	Chi khác	1.708	1.058		(650)	
III	Dự phòng ngân sách	7.408	7.408		-	
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG MỤC TIÊU					



DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH DUY TU, SỬA CHỮA SỬ DỤNG VỐN SỰ NGHIỆP NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 22/QĐ-HĐND ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên công trình	Dự toán 2025 đã giao theo QĐ 386/QĐ-UBND	Điều chỉnh		Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
			Tăng	Giảm		
	TỔNG CỘNG	27.284,124	1.834,288	1.834,288	27.284,124	
A	NGÂN SÁCH QUẬN	27.284,124	1.834,288	1.834,288	27.284,124	
I	Quản lý hành chính	575,451	-	-	575,451	
1	Công trình chuyển tiếp	575,451	-	-	575,451	
1.2	Sửa chữa hệ thống cửa Trụ sở UBND phường Cát Bi	575,451			575,451	
II	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	14.530,802	606,660	292,683	14.844,779	
1	Công trình chuyển tiếp	7.530,802	-	292,683	7.238,119	
1.1	Sửa chữa nhà lớp học, nhà vệ sinh tầng 3 và các hạng mục phụ trợ trường Mầm non Đăng Lâm	1.541,045			1.541,045	
1.2	Sửa chữa nhà lớp học, sân và các hạng mục phụ trợ trường Mầm non Đăng Hải (khu A)	309,476		29,949	279,527	
1.3	Sửa chữa nhà lớp học, cổng, tường bao và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Đăng Lâm	1.575,480		3,330	1.572,150	
1.4	Sửa chữa nhà lớp học, nhà chức năng, nhà xe và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Đăng Hải (khu B)	939,870		9,209	930,661	
1.5	Sửa chữa nhà lớp học 2 tầng và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Trảng Cát	997,365		9,623	987,742	
1.6	Sửa chữa nhà lớp học 2 tầng, 3 tầng và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Cát Bi	1.940,353		239,195	1.701,158	
1.7	Khắc phục thiệt hại do cơn bão số 3 tại trường mầm non Đăng Hải	10,861			10,861	
1.8	Khắc phục thiệt hại do cơn bão số 3 tại trường mầm non Trảng Cát	114,235		1,355	112,880	
1.9	Khắc phục thiệt hại do cơn bão số 3 tại trường mầm non Thành Tô	21,382			21,382	
1.10	Khắc phục thiệt hại do cơn bão số 3 tại trường tiểu học Đăng Hải	22,764			22,764	
1.11	Khắc phục thiệt hại do cơn bão số 3 tại trường tiểu học Cát Bi	0,737			0,737	
1.12	Khắc phục thiệt hại do cơn bão số 3 tại trường tiểu học Thành Tô	21,662			21,662	
1.13	Khắc phục thiệt hại do cơn bão số 3 tại trường THCS Đăng Lâm	35,572		0,022	35,550	
2	Công trình khởi công mới 2025	7.000,000	606,660	-	7.606,660	
2.1	Sửa chữa nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ (khu A+B) Trường Mầm non Đăng Lâm	1.000,000			1.000,000	
2.2	Sửa chữa nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Trảng Cát	1.000,000			1.000,000	
2.3	Sửa chữa nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Thành Tô	800,000	606,660		1.406,660	
2.4	Sửa chữa dãy nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Cát Bi	800,000			800,000	
2.5	Sửa chữa nhà lớp học (nhà B) và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Đăng Lâm	1.000,000			1.000,000	
2.6	Sửa chữa dãy phòng học 03 tầng khu A Trường Tiểu học Thành Tô	800,000			800,000	
2.7	Sửa chữa nhà lớp học (nhà A,B,C) và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Trảng Cát	800,000			800,000	

STT	Tên công trình	Dự toán 2025 đã giao theo QĐ 386/QĐ-UBND	Điều chỉnh		Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
			Tăng	Giảm		
2.8	Sửa chữa nhà lớp học (3 tầng) và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Trảng Cát	800,000			800,000	
III	Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	770,765	-	313,977	456,788	
1	Công trình chuyển tiếp	470,782	-	13,994	456,788	
1.1	Sửa chữa hội trường Trung tâm chính trị quận Hải An	470,782		13,994	456,788	
2	Công trình khởi công mới 2025	299,983	-	299,983	0,000	
2.1	Sửa chữa hội trường, phòng làm việc và các hạng mục phụ trợ Trung tâm Chính trị quận Hải An	299,983		299,983	-	
IV	Sự nghiệp văn hóa - thông tin - thể thao	1.997,393	237,795	237,795	1.997,393	
1	Công trình chuyển tiếp	1.597,212	-	112,210	1.485,002	
1.1	Sửa chữa Nhà văn hóa TDP số 13 phường Đằng Hải	873,825		2,944	870,881	
1.2	Sửa chữa Nhà văn hóa Trung Hành 6 phường Đằng Lâm	454,050		0,050	454,000	
1.3	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa Tổ dân phố số 6 phường Trảng Cát	160,121			160,121	
1.4	Sửa chữa nhà văn hóa TDP số 6 phường Cát Bi	109,216		109,216	-	
2	Công trình khởi công mới 2025	400,181	237,795	125,585	512,391	
2.1	Sửa chữa nhà văn hoá Lực Hành, phường Đằng Lâm	119,363	237,795		357,158	
2.2	Sửa chữa Nhà văn hoá phường Trảng Cát	18,733		18,733	-	
2.3	Sửa chữa Nhà văn hoá TDP số 7 phường Trảng Cát	43,757		43,757	-	
2.4	Sửa chữa Nhà văn hoá TDP số 1, phường Trảng Cát	30,077		30,077	-	
2.5	Sửa chữa Nhà văn hoá TDP số 2, phường Trảng Cát	33,018		33,018	-	
2.6	Sửa chữa Nhà văn hoá TDP số 5, phường Trảng Cát	155,233			155,233	
V	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	350,438	-	-	350,438	
1	Công trình chuyển tiếp					
2	Công trình khởi công mới 2025	350,438	-	-	350,438	
2.1	Sửa chữa Nghĩa trang liệt sĩ phường Trảng Cát	350,438			350,438	
VI	Sự nghiệp kinh tế	9.059,276	989,833	989,833	9.059,276	
1	Công trình chuyển tiếp	5.559,276	-	989,833	4.569,443	
1.1	Duy tu, sửa chữa ngõ 311 đường Đằng Hải, phường Đằng Hải	412,320			412,320	
1.2	Duy tu, sửa chữa ngõ 192, đường Hàng Tổng, phường Đằng Hải	1.032,627		23,719	1.008,908	
1.3	Duy tu, sửa chữa ngõ 389 đường Đằng Hải, phường Đằng Hải	378,264			378,264	
1.4	Duy tu, sửa chữa hệ thống thoát nước, nền mặt ngõ 109 đường Đằng Hải	658,166		3,202	654,964	
1.5	Duy tu, sửa chữa ngõ 66 đường Trung Hành, phường Đằng Lâm	1.120,548		35,190	1.085,358	
1.6	Duy tu, sửa chữa ngõ 72 đường Nguyễn Văn Hối, phường Cát Bi	859,698		859,698	-	
1.7	Duy tu, sửa chữa ngách 1 ngõ 580 Ngõ Gia Tự, phường Thành Tô	1.097,653		68,024	1.029,629	
2	Công trình khởi công mới 2025	3.500,000	989,833	-	4.489,833	
2.1	Duy tu, sửa chữa ngõ 175 Đằng Hải, phường Đằng Hải	1.000,000	727,573		1.727,573	
2.4	Duy tu, sửa chữa ngõ 522 Ngõ Gia Tự, phường Thành Tô	500,000			500,000	
2.7	Duy tu, sửa chữa các ngõ thuộc lô B (93-94), phường Cát Bi	500,000			500,000	
2.8	Duy tu, sửa chữa ngõ 373 Ngõ Gia Tự, phường Đằng Lâm	1.500,000	262,260		1.762,260	

**Điều chỉnh đơn vị dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025
(Chi hoạt động phí hàng tháng cho đại biểu Hội đồng nhân dân)**

(Kèm theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Ghi chú
I	Chi Quản lý hành chính	126.360.000	126.360.000	
1	Văn phòng Đảng ủy	54.756.000		
2	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	16.848.000		
3	Phòng Văn hóa - Xã hội	21.060.000		
4	Trung tâm phục vụ hành chính công	25.272.000		
5	Trung tâm sự nghiệp công	8.424.000		
6	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân		126.360.000	

